

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 19/12/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Sang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hồ Văn Úc
- Ông Nguyễn Quốc Dũng

**- A T ký phiên tòa:** Ông Ngô Tấn Bửu là A T ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 647/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị A T, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Số 26, Tổ 01, ấp T H A2, xã T A, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 và ông Lê Văn T X, sinh năm 1972; Cùng cư trú: Số 568, Tổ 11, ấp T H A1, xã T A, thị xã T C, tỉnh A G (bà T có mặt, ông Lê Văn T X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị A T trình bày:*

Do chỗ quen biết, bà A T có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn T X vay tiền 02 lần, cụ thể: lần đầu vào ngày 18/6/2020 số tiền 100.000.000 đồng, lần hai vào ngày 29/8/2020 (nhằm ngày 15/10/2020) số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng. Khi vay có lập biên nhận ngày 15/10/2020, không có thỏa thuận thời hạn vay nhưng có thỏa thuận miệng là vay tạm vài tháng khi nào cần lấy lại tiền vốn gốc của hai khoản vay trên thì thông báo cho bà T, ông X trả lại,

hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2,5%/tháng đối với số tiền của hai lần vay, ngoài ra không còn thỏa thuận nào khác.

Sau khi vay, bà T và ông X có thực hiện việc trả lãi cho bà A T đầy đủ mỗi tháng với số tiền là 5.000.000 đồng nhưng kể từ tháng 02/2023 đến nay bà T và ông X không có thực hiện trả lãi và vốn gốc.

Bà Lê Thị A T yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn T X có trách nhiệm trả cho số tiền vay gốc tổng cộng là 200.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 02/2023 tính đến nay là 85.000.000 đồng, tổng cộng là 285.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

*- Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X cùng trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X thừa nhận có vay của bà A T hai lần với số tiền 200.000.000 đồng và còn nợ bà Lê Thị A T số tiền 285.000.000 đồng (bao gồm vốn và lãi) như bà A T đã trình bày. Quá trình vay, ông bà có thực hiện trả lãi đầy đủ cho bà A T theo như thỏa thuận nhưng kể từ tháng 02/2023 cho đến nay đã ngưng thực hiện việc trả lãi, vốn gốc chưa trả. Hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, không có khả năng trả một lần nên xin hẹn trả mỗi tháng cho bà A T là 2.000.000 đồng, về tiền lãi hai bên đã thanh toán không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Ngoài các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp, các đương sự không cung cấp, giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự...đều thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và yêu cầu của người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị A T số tiền còn nợ tổng cộng là 256.780.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị A T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X có trách nhiệm trả tiền vay, bị đơn cùng cư trú tại: ấp T H A1, xã T A, thị xã T C, tỉnh A G. Xét yêu cầu của đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T X có lời khai thể hiện ý kiến của mình và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự cùng trình bày: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X có vay của bà Lê Thị A T hai lần với số tiền tổng cộng là 200.000.000 đồng, có lập biên nhận ngày 15/10/2020, hai bên thoả thuận lãi suất 2,5%/tháng, khi nào bà A T cần lấy lại vốn gốc thì sẽ thông báo cho bà T, ông X. Xét thấy sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận, xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Lê Thị A T yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X trả lại vốn gốc và lãi đã vay, quá trình vay, bà T và ông X đã không thực hiện đúng và trách nhiệm của bên vay, cụ thể là không trả tiền lãi theo như hai bên thỏa thuận kể từ tháng 02/2023 cho đến nay, đã vi phạm nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà A T. Vì vậy, bà A T khởi kiện yêu cầu bà T, ông X cùng có trách nhiệm trả một lần số tiền vốn là 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà A T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, cụ thể là yêu cầu trả tiền lãi theo quy định kể từ ngày bà T, ông X không thanh toán là 56.780.000 đồng, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà A T là hoàn toàn tự nguyện, do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà A T, không yêu cầu tính lãi, như vậy tổng cộng vốn và tiền lãi bà A T yêu cầu là 256.780.000 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*

[2.4] Xét lời trình bày của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X thừa nhận còn nợ bà Lê Thị A T số tiền vốn gốc đã vay và tiền lãi tổng cộng là 256.780.000 đồng, về tiền lãi hai bên đã thỏa thuận thanh toán không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T, ông X cho rằng hiện nay đang gặp khó khăn về kinh tế, không có khả năng thanh toán một lần nên hẹn trả cho bà A T mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà A T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định và phân tích nêu trên, xét yêu cầu của bà Lê Thị A T buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc đã vay và tiền lãi tổng cộng là 256.780.000 (*hai trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn*) đồng là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A T được chấp nhận nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X không thuộc trường hợp được miễn, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban A Tổng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A T.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị A T số tiền 256.780.000 (*hai trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn*) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T X phải chịu 12.843.000 (*mười hai triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị A T số tiền 7.125.000 (*bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0008783 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Sang**